

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 284/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1113/QĐ-DCT ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý khoa học và Đào tạo sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ (sửa đổi, bổ sung) áp dụng tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1486/QĐ-DCT ngày 28 tháng 9 năm 2016 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trường phòng Quản lý khoa học và Đào tạo sau đại học, Trưởng các khoa, Ban Chủ nhiệm ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.QLKH&ĐTSDH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Hoàn

**QUY CHẾ
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1155/QĐ-DCT ngày 29 tháng 5 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Trường). Cụ thể, quy chế này quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ, bao gồm: tuyển sinh, chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, nhiệm vụ và quyền hạn của Trường, giảng viên, học viên; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Quy chế này áp dụng trong thời gian Trường thực hiện đổi mới cơ chế hoạt động là Trường tự chủ theo Quyết định số 901/QĐ-TTg ngày 23/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015 - 2017.

3. Quy chế này áp dụng đối với đơn vị thuộc Trường và các học viên đang theo học trình độ thạc sĩ tại Trường.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo trình độ thạc sĩ nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong một lĩnh vực khoa học chuyên ngành hoặc kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo.

Điều 3. Hình thức, ngôn ngữ và thời gian đào tạo

1. Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo hình thức đào tạo chính quy.
2. Ngôn ngữ chính thức dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ là tiếng Việt.
3. Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ:

- a) Tối thiểu 01 năm và tối đa 03 năm đối với chương trình thạc sĩ ứng dụng;
- b) Tối thiểu 1,5 năm và tối đa 04 năm đối với chương trình thạc sĩ nghiên cứu.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 4. Phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ gồm: thi tuyển đối với người Việt Nam và xét tuyển đối với người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam.
2. Việc tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được tổ chức tối đa 2 lần mỗi năm. Hiệu trưởng căn cứ vào nhu cầu học tập, tình hình thực tiễn của Trường để xác định số lần tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh năm sau và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo vào tháng 12 hàng năm.
3. Địa điểm tổ chức thi tuyển sinh và thực hiện quá trình đào tạo là trụ sở của Trường hoặc các địa điểm khác trên toàn quốc và được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận các điều kiện thực tế đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định. Việc tổ chức tuyển sinh và thực hiện quá trình đào tạo ngoài lãnh thổ Việt Nam được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
4. Các quy định của Trường về phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh trong năm và địa điểm tổ chức tuyển sinh phải được đăng trên trang thông tin điện tử (website) của Trường.

Điều 5. Các môn thi tuyển sinh

1. Thi tuyển sinh bao gồm 3 môn thi: môn ngoại ngữ, môn cơ sở của ngành hoặc chuyên ngành đào tạo, cụ thể như sau:
 - a) Môn ngoại ngữ và trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển đối với từng ngành, chuyên ngành đào tạo (bao gồm cả ngoại ngữ thứ hai cho người dự tuyển vào chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài) được xác định căn cứ vào yêu cầu của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của học viên trước khi bảo vệ luận văn tối thiểu đạt từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;
 - b) Hai môn thi khác (cơ sở ngành và chuyên ngành), trong đó môn cơ sở ngành là môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành đào tạo, được xác định theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Mỗi môn thi có thể kiểm tra kiến thức một môn học hoặc tích hợp kiểm tra kiến thức một số môn học của trình độ đại học;

c) Đối với ngành, chuyên ngành đặc thù hoặc chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, có thể thay môn thi cơ bản hoặc cơ sở ngành quy định tại Điểm b Khoản 1, Điều này bằng phương thức kiểm tra đánh giá năng lực khác phù hợp với yêu cầu của ngành, chuyên ngành, chương trình đào tạo. Việc thay thế này (nếu có) phải được quy định cụ thể về yêu cầu kiểm tra, thang điểm và thực hiện đối với tất cả các thí sinh dự thi vào ngành, chuyên ngành đào tạo;

d) Phòng Quản lý Khoa học và Đào tạo sau đại học (QLKH&ĐTSDH) phối hợp với các Hội đồng ngành hoặc khoa chuyên ngành đề xuất danh sách các môn thi cơ bản và môn cơ sở cho từng chuyên ngành phù hợp, thông qua Hội đồng Khoa học - Đào tạo Trường đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định.

2. Các môn thi tuyển sinh, phương thức kiểm tra đánh giá năng lực thí sinh quy định tại Khoản 1 Điều này phải được xác định trong đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, được đưa vào bản quy định chi tiết các nội dung Quy chế này của Trường. Việc thay đổi môn thi tuyển sinh hoặc phương thức kiểm tra đánh giá năng lực thí sinh do Hiệu trưởng quyết định theo đề nghị của Hội đồng Khoa học - Đào tạo.

3. Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của Trường thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài hoặc có thời gian đào tạo ở nước ngoài từ 12 tháng trở lên, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tối thiểu đạt từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận. Nhà trường tổ chức thẩm định về tính xác thực của chứng chỉ ngoại ngữ trước khi công nhận tương đương.

Điều 6. Ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi

1. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi có cùng tên trong Danh mục

giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

2. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành gần với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ (trừ trường hợp đã được quy định tại Khoản 1 Điều này) hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

3. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành khác với ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi không cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ (trừ trường hợp đã được quy định tại Khoản 2 Điều này).

4. Danh mục ngành gần được dự thi tuyển sinh vào từng ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và danh mục ngành khác được dự thi vào ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý được xác định trong đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Việc thay đổi danh mục này do Hiệu trưởng quyết định theo đề nghị của Ban Chủ nhiệm ngành trước khi tổ chức tuyển sinh.

Điều 7. Học bổ sung kiến thức

1. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành, chuyên ngành đào tạo thạc sĩ theo quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 6 Quy chế này phải học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi dự thi. Học viên phải đóng học phí các học phần bổ sung theo mức học phí quy định đối với hệ đại học chính quy của Trường.

2. Căn cứ danh sách ngành, chuyên ngành gần và danh mục các học phần bổ sung kiến thức đã được phê duyệt, Phòng QLKH&ĐTSDH trình Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch tổ chức các lớp học bổ sung kiến thức theo nhu cầu thực tế.

3. Phòng QLKH&ĐTSDH có trách nhiệm thông báo, xây dựng kế hoạch, tổ chức giảng dạy, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức theo đúng Quy chế quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ của Trường.

4. Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức có giá trị trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp và được sử dụng để xét điều kiện dự thi tuyển sinh vào ngành tương ứng của Trường.

5. Đối với các trường hợp đã hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức ở các cơ sở đào tạo khác, tùy vào điều kiện cụ thể, Phòng QLKH&ĐTSDH phối hợp với các Hội đồng ngành hoặc Khoa chuyên ngành có đào tạo thạc sĩ đề xuất Hiệu

trường cho phép bổ sung thêm một số học phần để cấp Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức của Trường cho phù hợp.

6. Căn cứ vào tình hình thực tế, Phòng QLKH&ĐTSDH phối hợp với các Hội đồng ngành hoặc Khoa chuyên ngành có đào tạo thạc sĩ rà soát, bổ sung, thay thế các học phần bổ sung kiến thức cho phù hợp.

Điều 8. Đối tượng và điều kiện dự thi

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được điều kiện sau:

1. Về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 Quy chế này;

b) Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 và đã học bổ sung kiến thức theo quy định tại Điều 7 Quy chế này;

c) Người tốt nghiệp đại học một số ngành khác theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4, Điều 6 Quy chế này có thể đăng ký dự thi vào ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý sau khi đã học bổ sung kiến thức theo quy định tại Điều 7 Quy chế này;

d) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn: Người tốt nghiệp ngành khác so với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của Trường phải có ít nhất 02 năm công tác trong lĩnh vực chuyên môn thuộc ngành hoặc chuyên ngành đăng ký dự thi và phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi.

3. Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

4. Có đủ sức khỏe để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học theo quy định tại Điểm e Khoản 1, Điều 9 của Quy chế này, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học.

5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường.

Điều 9. Đối tượng và chính sách ưu tiên

1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

2. Chính sách và mức ưu tiên

a) Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng;

b) Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định của Quy chế này và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn cơ sở ngành.

Điều 10. Thông báo tuyển sinh

1. Chậm nhất ba tháng trước ngày thi tuyển sinh, Trường ra thông báo tuyển sinh. Thông báo tuyển sinh phải được niêm yết tại bảng tin và đăng trên website của Trường; thông tin trên báo.

2. Nội dung thông báo tuyển sinh gồm: điều kiện dự thi; danh mục ngành đúng, ngành gần, ngành khác được dự thi theo từng ngành, chuyên ngành đào tạo; chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành, chuyên ngành đào tạo; các môn thi tuyển sinh, nội dung thi và dạng thức đề thi hoặc yêu cầu và thang điểm kiểm tra năng lực quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 5 Quy chế này (nếu có); môn thi hoặc kiểm tra được cộng điểm ưu tiên; hồ sơ đăng ký dự thi; địa điểm, thời gian nhận hồ sơ, lịch thi tuyển; thời điểm công bố kết quả tuyển sinh; khai giảng khóa học và thời gian đào tạo; các thông tin cần thiết khác đối với thí sinh trong kỳ thi tuyển sinh.

Điều 11. Đăng ký dự thi, gửi giấy báo thi

1. Hồ sơ, thủ tục đăng ký, xét duyệt hồ sơ đăng ký dự thi; việc lập danh sách thí sinh dự thi, làm thẻ dự thi, gửi giấy báo thi cho thí sinh thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi phải được công bố công khai trên website của Trường chậm nhất 03 tuần trước khi thi môn đầu tiên.

Điều 12. Hướng dẫn đề cương ôn thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ

1. Căn cứ Thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ của Trường và nhu cầu của người đăng ký dự thi, Phòng QLKH&ĐTSDH trình Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch tổ chức các lớp hướng dẫn đề cương ôn thi tuyển sinh.

2. Phòng QLKH&ĐTSDH có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập; tổ chức, quản lý lớp. Phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính thực hiện việc thu lệ phí ôn tập.

3. Phòng QLKH&ĐTSDH phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính trình Hiệu trưởng xác định mức thu học phí ôn tập và phân bổ kinh phí thu được đảm bảo nguyên tắc cân đối lấy thu bù chi và các quy định tài chính hiện hành của Nhà nước.

Điều 13. Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc hội đồng

1. Hội đồng tuyển sinh do Hiệu trưởng quyết định thành lập. Thành phần hội đồng gồm:

a) Chủ tịch hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền;

b) Phó chủ tịch hội đồng: Phó Hiệu trưởng;

c) Ủy viên thường trực: Trưởng Phòng QLKH&ĐTSDH;

d) Các ủy viên: Một số trưởng hoặc phó đơn vị (phòng, khoa, bộ môn) liên quan trực tiếp đến kỳ thi.

2. Các ban giúp việc cho hội đồng tuyển sinh do chủ tịch hội đồng tuyển sinh quyết định thành lập.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ tịch hội đồng, phó chủ tịch hội đồng, ủy viên thường trực và các ủy viên; tổ chức, tiêu chuẩn tham gia, nhiệm vụ, quyền hạn của các ban giúp việc cho hội đồng tuyển sinh thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

4. Người có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột dự thi không được tham gia hội đồng tuyển sinh và bộ máy giúp việc cho hội đồng.

Điều 14. Đề thi tuyển sinh

1. Nội dung đề thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải đảm bảo các điều kiện:

a) Phù hợp với chương trình đào tạo trình độ đại học, đánh giá và phân loại được trình độ của thí sinh;

b) Phù hợp với thời gian quy định cho mỗi môn thi;

c) Đảm bảo tính khoa học, chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, bám sát và bao quát nội dung thi đã được công bố trong thông báo tuyển sinh của Trường, trong phạm vi chương trình đào tạo trình độ đại học.

2. Hình thức ra đề thi do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của Ban Chủ nhiệm ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, được nêu rõ trong thông báo tuyển sinh. Dạng thức đề thi môn ngoại ngữ phải đảm bảo xác định được trình độ ngoại ngữ theo quy định của Trường, căn cứ vào Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (sau đây gọi là Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

3. Người ra đề thi (bao gồm người soạn thảo ngân hàng đề thi, người giới thiệu đề nguồn, trưởng môn thi và người phản biện đề thi) phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có chuyên môn phù hợp với nội dung thi, có tinh thần trách nhiệm, uy tín chuyên môn và có kinh nghiệm ra đề thi;

b) Ra đề thi môn ngoại ngữ phải là người có trình độ thạc sĩ trở lên; ra đề các môn thi khác phải là người có trình độ tiến sĩ trở lên;

c) Giữ bí mật về công tác ra đề thi, chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng đề thi; bị xử lý kỷ luật nếu ra đề thi sai hoặc vi phạm nguyên tắc, quy trình bảo mật đề thi.

4. Đề thi được sử dụng từ ngân hàng đề thi hoặc ra đề độc lập

a) Nếu sử dụng ngân hàng đề thi thì ngân hàng phải có tối thiểu 100 câu hỏi đối với hình thức thi tự luận hoặc có gấp 30 lần số lượng câu hỏi của mỗi đề thi đối với các hình thức thi khác để xây dựng tối thiểu 3 bộ đề thi cho mỗi môn thi; hoặc có tối thiểu 30 bộ đề thi hoàn chỉnh để chọn ngẫu nhiên lấy tối thiểu 3 đề thi;

b) Trong trường hợp ra đề độc lập, mỗi môn thi phải có tối thiểu 3 đề thi nguồn do 3 người khác nhau giới thiệu để trưởng môn thi tổ hợp thành hai hoặc ba đề thi. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh trực tiếp mời người giới thiệu đề thi, tiếp nhận đề thi nguồn và giữ bí mật thông tin về người ra đề thi.

5. Quy trình làm đề thi, công tác bảo mật đề thi, việc xử lý các sự cố bất thường của đề thi theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

6. Thang điểm của đề thi môn ngoại ngữ là thang điểm 100 hoặc thang điểm khác có thể quy điểm toàn bài về thang điểm 100; thang điểm của đề thi các môn khác là thang điểm 10 hoặc thang điểm khác có thể quy điểm toàn bài về thang điểm 10.

7. Các vấn đề khác liên quan đến đề thi tuyển sinh do Hiệu trưởng quyết định.

8. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm về công tác tổ chức ra đề thi theo đúng quy định của Quy chế này và quy định hợp pháp của Trường; quyết định và chịu trách nhiệm về việc xử lý các sự cố bất thường phát sinh trong công tác đề thi nhưng chưa được quy định.

Điều 15. Tổ chức thi tuyển sinh

1. Các môn thi được tổ chức trong các ngày thi liên tục. Lịch thi cụ thể của kỳ thi phải đưa vào nội dung thông báo tuyển sinh.

2. Khu vực thi phải được bố trí tương đối độc lập, an toàn, yên tĩnh; phải đảm bảo tối thiểu 2 giám thị/ tối đa 30 thí sinh; khoảng cách giữa hai thí sinh liền kề nhau trong phòng thi phải từ 1,2m trở lên.

3. Việc tổ chức thi tuyển sinh để đảm bảo minh bạch, an toàn, nghiêm túc, chất lượng; quy định thời gian làm bài của từng môn thi, nội quy phòng thi, tiêu chuẩn giám thị và các vấn đề khác theo yêu cầu của việc tổ chức kỳ thi tuyển sinh.

4. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm tổ chức kỳ thi tuyển sinh theo quy định của Quy chế này và quy định hợp pháp của Trường.

Điều 16. Chấm thi tuyển sinh

1. Quy trình xây dựng đáp án, tiêu chuẩn cán bộ chấm thi, xử lý kết quả chấm thi, phúc khảo điểm thi và các vấn đề cần thiết khác theo yêu cầu của việc chấm thi tuyển sinh thực hiện theo quy định hiện hành. Không thực hiện việc làm tròn điểm trong kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Trưởng ban chấm thi chịu trách nhiệm về công tác tổ chức chấm thi tuyển sinh theo đúng quy định của Quy chế này và quy định hợp pháp của Trường; phải kịp thời báo cáo với Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh về các sự cố bất thường, chưa được quy định, phát sinh trong công tác chấm thi để được chỉ đạo giải quyết.

3. Cán bộ chấm thi chịu trách nhiệm thực hiện các quy định về chấm thi; đảm bảo việc chấm thi công bằng, khách quan, theo đúng đáp án; chịu trách nhiệm về kết

quả chấm thi và bị xử lý kỷ luật nếu chấm sai dẫn đến thay đổi kết quả trúng tuyển của thí sinh.

4. Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng quyết định thành lập hội đồng chấm thẩm định một phần hoặc toàn bộ số bài thi tuyển sinh. Hội đồng này có tối thiểu 3 người, làm việc theo nguyên tắc nhất trí, có thẩm quyền quyết định cuối cùng về điểm chính thức của bài thi. Việc tổ chức đối thoại giữa hội đồng chấm thẩm định bài thi tuyển sinh với các cán bộ chấm thi, chấm phúc khảo hoặc yêu cầu giải trình trước khi kết luận điểm thi do chủ tịch hội đồng chấm thẩm định quyết định, trên cơ sở đề nghị của các thành viên hội đồng.

Điều 17. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển

1. Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi, kiểm tra (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

2. Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo và tổng điểm hai môn thi, kiểm tra của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi, kiểm tra nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;

b) Người có điểm cao hơn của môn chủ chốt (môn cơ sở) của ngành, chuyên ngành;

c) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

4. Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam được Hiệu trưởng căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó.

Điều 18. Quyết định trúng tuyển và công nhận học viên

1. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh báo cáo Hiệu trưởng kết quả xét tuyển, thi tuyển; dự kiến phương án xác định điểm trúng tuyển, dự kiến danh sách thí sinh trúng tuyển. Hiệu trưởng quyết định phương án xác định điểm trúng tuyển trên cơ

sở chỉ tiêu đã xác định, ký duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển, thông báo công khai trên website của Trường.

2. Trường gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh trong danh sách trúng tuyển trước ngày nhập học tối thiểu 15 ngày (tính theo dấu bưu điện).

3. Hiệu trưởng ra quyết định công nhận học viên của khóa đào tạo trình độ thạc sĩ cho những thí sinh trúng tuyển đã đăng ký nhập học, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

Điều 19. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh

1. Hoạt động thanh tra tuyển sinh thực hiện theo quy định hiện hành về tổ chức và hoạt động thanh tra các kỳ thi của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hoạt động kiểm tra công tác tuyển sinh thực hiện theo quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cơ quan quản lý có thẩm quyền.

2. Hiệu trưởng có trách nhiệm thành lập đoàn thanh tra, tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ các khâu trong công tác tuyển sinh tại cơ sở mình theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Những người có người thân (bố, mẹ; vợ, chồng; con; anh, chị, em ruột) dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh.

Chương III CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 20. Xây dựng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được xây dựng theo định hướng nghiên cứu và/hoặc theo định hướng ứng dụng, cụ thể:

1. Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành, chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, bước đầu có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới; có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề

nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 21. Yêu cầu đối với việc xây dựng chương trình đào tạo

Khi xây dựng chương trình phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Căn cứ vào năng lực, điều kiện và định hướng phát triển đối với từng ngành, chuyên ngành đào tạo của Trường và nhu cầu thực tế của việc sử dụng nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ để xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu và/hoặc theo định hướng ứng dụng.

2. Xác định rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra của mỗi ngành, chuyên ngành đào tạo; khối lượng kiến thức, cấu trúc chương trình và yêu cầu đối với luận văn phù hợp với định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng và phù hợp với các quy định hiện hành.

3. Đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu được quy định tại Khoản 2, Điều 4 Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khối lượng học tập của mỗi tín chỉ theo quy định của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành.

4. Nội dung chương trình hướng vào việc thực hiện mục tiêu và đạt được chuẩn đầu ra đã được xác định; đảm bảo cho học viên được bổ sung và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; nâng cao năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong ngành, chuyên ngành đào tạo. Phần kiến thức ở trình độ đại học, nếu cần thiết phải nhắc lại thì không được quá 5% thời lượng quy định cho mỗi học phần.

Điều 22. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ gồm ba phần: kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành, luận văn thạc sĩ.

1. Phần kiến thức chung: Bao gồm học phần triết học và ngoại ngữ (nếu có)

a) Học phần triết học có khối lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Học phần ngoại ngữ: Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận văn được quy định tại Khoản 3, Điều 5 của Quy chế này.

2. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành: Bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Trong đó, các học phần tự chọn chiếm tối thiểu 30% khối lượng

chương trình đào tạo. Ban soạn thảo chương trình đào tạo ngành phải tổ chức xây dựng số học phần tự chọn nhiều hơn số học phần mà học viên được chọn.

3. Luận văn: Có khối lượng tối thiểu 10 tín chỉ.

4. Tùy theo chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu hoặc theo định hướng ứng dụng và tình hình cụ thể của Trường, Hiệu trưởng quyết định tỷ lệ kiến thức cơ sở, chuyên ngành và luận văn trong chương trình đào tạo.

Điều 23. Thẩm quyền xây dựng và ban hành chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo do Hội đồng ngành và Tổ soạn thảo chương trình tổ chức xây dựng theo quy định hiện hành về điều kiện mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo.

2. Tối thiểu sau mỗi khóa học, Nhà trường xem xét việc sửa đổi, cập nhật, bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo cho phù hợp. Việc sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo (nếu có) thực hiện theo quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hiện hành.

3. Trong trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng quyết định việc sử dụng chương trình đào tạo thạc sĩ đang được áp dụng ở một trường đại học tiên tiến trên thế giới, đã được kiểm định bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận, có điều chỉnh cho phù hợp với Việt Nam, đảm bảo học phần triết học theo đúng quy định, được Hội đồng Khoa học - Đào tạo của Trường thông qua và phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.

Chương IV HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 24. Địa điểm đào tạo

1. Địa điểm đào tạo trình độ thạc sĩ là trụ sở của Trường được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và xác nhận đủ điều kiện thực tế đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định trước khi cho phép mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Trong trường hợp cần thiết, đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, Hiệu trưởng cho phép hoặc quyết định việc tổ chức đào tạo một phần chương trình ở ngoài Trường, kể cả tại phân hiệu của Trường (nếu có).

3. Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học - Đào tạo của Trường, Hiệu trưởng cho phép hoặc quyết định việc thực hiện liên kết đào tạo, tổ chức đào tạo ở ngoài Trường (do Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh cấp bằng).

Điều 25. Tổ chức đào tạo

1. Căn cứ khung chương trình đào tạo đã được phê duyệt, vào đầu khóa học, Phòng QLKH&ĐTSĐH xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa học, kế hoạch đào tạo năm học trình Hiệu trưởng phê duyệt làm cơ sở pháp lý để điều hành công tác giảng dạy, học tập và thực hiện luận văn thạc sĩ.

2. Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo học chế tín chỉ.

3. Các khóa học trình độ thạc sĩ được tổ chức tập trung toàn bộ thời gian cho việc học tập nghiên cứu để thực hiện chương trình đào tạo.

4. Thời gian hoạt động giảng dạy trình độ thạc sĩ được thực hiện theo thời gian áp dụng cho hệ đại học chính quy của Trường, có sự phục vụ của thư viện và các đơn vị liên quan. Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh thời gian hoạt động giảng dạy cho phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của Trường.

5. Tổ chức giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo thạc sĩ phải được thực hiện bằng cách phối hợp học tập ở trên lớp với tự học, tự nghiên cứu; coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của học viên.

6. Đầu khóa học, Phòng QLKH&ĐTSĐH phải công bố cho học viên về chương trình đào tạo toàn khóa, đề cương chi tiết các học phần trong chương trình; kế hoạch học tập; kế hoạch kiểm tra, thi; thời gian tổ chức bảo vệ và bảo vệ lại luận văn; các quy định của Trường có liên quan đến khóa học. Đề cương chi tiết học phần phải rõ các nội dung: mục tiêu, số tín chỉ, học phần tiên quyết, nội dung, hình thức tổ chức dạy học, hình thức và phương pháp đánh giá, học liệu của học phần và các nội dung khác theo yêu cầu của học phần và theo quy định của Trường.

7. Trường không bắt buộc học viên phải học học phần ngoại ngữ tại Trường nhưng sẽ tổ chức giảng dạy (nếu học viên có nhu cầu) và đánh giá trình độ ngoại ngữ theo quy định chuẩn đầu ra.

8. Nhà trường có trách nhiệm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị thực hành hoặc hợp đồng với các cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế... để đảm bảo điều kiện học tập, nghiên cứu, thử nghiệm, thực hành, ứng dụng thực tế cho người học phù hợp với yêu cầu của ngành, chuyên ngành và loại chương trình đào tạo.

Điều 26. Tổ chức giảng dạy

1. Căn cứ kế hoạch, tiến độ đào tạo từng học kỳ, năm học đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Phòng QLKH&ĐTSDH phối hợp với các đơn vị có đào tạo trình độ thạc sĩ xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập cho các lớp cao học.

2. Các học phần thuộc khối kiến thức chung do Phòng QLKH&ĐTSDH phân công giảng viên phụ trách môn học. Các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành do Ban Chủ nhiệm ngành phân công giảng viên phụ trách môn học. Người được phân công giảng dạy các học phần trong chương trình phải đảm bảo đầy đủ các yêu cầu được quy định tại Điều 43 của Quy chế này.

3. Đối với các môn học có nội dung thực tế và thực tập bên ngoài cơ sở đào tạo của Trường, giảng viên phụ trách môn học có trách nhiệm lập kế hoạch thực hiện môn học gửi Ban Chủ nhiệm ngành, Phòng QLKH&ĐTSDH, trong đó ghi rõ thời gian, địa điểm thực tập, nội dung, tiến độ thực hiện, danh sách học viên tham gia.

Điều 27. Thi, kiểm tra, đánh giá

1. Việc đánh giá học phần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được trình độ của người học; công khai, minh bạch các quy định về đánh giá và kết quả đánh giá học phần;

b) Đề thi, kiểm tra phải phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu học phần đã xác định trong đề cương chi tiết;

c) Đúng hình thức và phương pháp đánh giá đã được quy định trong đề cương chi tiết của học phần;

d) Kết hợp kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập với thi kết thúc học phần;

đ) Kết hợp một số hình thức đánh giá (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp...) phù hợp với yêu cầu của học phần;

e) Kết hợp đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của người học.

2. Điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân. Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

3. Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt 5,5 trở lên theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 30 Quy chế này thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số học phần có điểm dưới 5,5 hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn). Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong 2 lần học.

4. Đối với học phần ngoại ngữ (bao gồm cả ngoại ngữ thứ hai cho học viên theo học ngành, chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài): Căn cứ vào Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, Trường tổ chức Hội đồng đánh giá trình độ ngoại ngữ của học viên theo quy định về chuẩn đầu ra.

5. Học viên được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ, đủ điều kiện về ngoại ngữ trong các trường hợp sau:

a) Thuộc quy định tại các điểm a, b, c Khoản 3, Điều 5 Quy chế này;

b) Thuộc quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 5 Quy chế này và chứng chỉ còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp luận văn theo quy định của Trường;

c) Học chương trình đào tạo thạc sĩ giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền cho phép; trình độ ngoại ngữ khi trúng tuyển tối thiểu đạt từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương; học viên được giảng dạy, viết và bảo vệ luận văn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

6. Việc tổ chức đánh giá học phần, số lần kiểm tra, điều kiện thi kết thúc học phần, trọng số điểm kiểm tra và điểm thi được thực hiện theo Quy chế đào tạo tín chỉ. Sử dụng thang điểm 10 và/hoặc thang điểm chữ 5 bậc A, B, C, D, F (tương đương với năm loại: giỏi, khá, trung bình, trung bình yếu và kém) khi tính điểm học phần; học lại (bao gồm cả việc học lại đối với học phần đã đạt điểm 5,5 trở lên nếu học viên có nhu cầu và Trường chấp nhận); cách tính điểm trung bình chung của các học phần (điểm trung bình chung tích lũy).

Điều 28. Miễn trừ, bảo lưu điểm học tập, học cải thiện điểm

1. Được miễn học, miễn thi kết thúc học phần trong chương trình đào tạo của trường trong trường hợp học viên đã được công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo từ trình độ thạc sĩ trở lên, trong đó có học phần hoặc môn học có điểm đạt yêu cầu và được công nhận là tương đương với học phần trong chương trình đào tạo của Trường.

2. Được miễn học, miễn thi kết thúc học phần với học phần triết học trong trường hợp học viên đã có bằng cử nhân chính trị, bằng cao cấp chính trị từ tháng 3 năm 2013 trở về sau.

3. Học viên được đăng ký học cải thiện điểm học phần nếu có nhu cầu. Lấy kết quả cao nhất sau hai lần thi làm điểm chính thức của học phần đó. Học viên đăng ký học cải thiện điểm phải đóng học phí theo quy định của Trường.

Điều 29. Công bố kết quả thi kết thúc học phần

1. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày nhận bài thi, giảng viên phải thực hiện việc chấm bài thi nộp kết quả về phòng QLKH&ĐTSDH.

2. Phòng QLKH&ĐTSDH công bố kết quả thi học phần cho học viên, tiếp nhận đơn phúc khảo và tổ chức chấm phúc khảo (nếu có).

3. Học viên có yêu cầu phúc khảo kết quả thi gửi đơn cho phòng QLKH&ĐTSDH trong thời gian không quá 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả.

4. Thời gian giải quyết phúc khảo của học viên không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đơn phúc khảo.

Điều 30. Đề tài, đăng ký đề tài, bảo vệ đề cương, giao đề tài luận văn

1. Đề tài và đăng ký đề tài

a) Đề tài luận văn do học viên đăng ký, có đề cương nghiên cứu kèm theo, được người hướng dẫn và trưởng đơn vị chuyên môn đồng ý;

b) Căn cứ kế hoạch đào tạo, Phòng QLKH&ĐTSDH thông báo để học viên đăng ký đề tài luận văn. Tên đề tài và nội dung nghiên cứu của luận văn không được trùng với tên và nội dung của luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ và các công trình khoa học trong và ngoài nước đã được tác giả khác hoàn thành, bảo vệ hoặc công bố.

2. Đề cương, bảo vệ đề cương và giao đề tài luận văn

a) Học viên thống nhất với người hướng dẫn khoa học về tên đề tài, đề cương nghiên cứu để bảo vệ trước Hội đồng;

b) Phòng QLKH&ĐTSDH trình Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt đề cương luận văn. Căn cứ biên bản góp ý của hội đồng, học viên thảo luận lại với người hướng dẫn khoa học để thống nhất: tên đề tài, mục tiêu, phương pháp, nội dung nghiên cứu;

c) Sau khi thống nhất với người hướng dẫn khoa học, học viên đăng ký tên đề tài chính thức và xây dựng kế hoạch thực hiện đề tài luận văn có xác nhận của người hướng dẫn khoa học;

d) Trên cơ sở danh sách đề tài luận văn do học viên đăng ký, Phòng QLKH&ĐTSDH đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài luận văn và phân công người hướng dẫn khoa học.

Điều 31. Điều chỉnh tên đề tài, thay đổi đề tài nghiên cứu

1. Chậm nhất 02 tháng trước khi bảo vệ luận văn, học viên có thể điều chỉnh tên đề tài nghiên cứu cho phù hợp với tình hình nghiên cứu nhưng không được thay đổi hướng nghiên cứu của đề tài. Học viên viết đơn xin điều chỉnh tên đề tài có xác nhận của người hướng dẫn khoa học. Sau khi xem xét các điều kiện, Phòng QLKH&ĐTSDH đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định điều chỉnh tên đề tài.

2. Trong quá trình thực hiện luận văn, vì lý do bất khả kháng, học viên không thể thực hiện đề tài luận văn được giao, học viên phải viết đơn xin thay đổi đề tài và được người hướng dẫn khoa học đồng ý. Sau khi xem xét các điều kiện, Phòng QLKH&ĐTSDH đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài nghiên cứu mới. Việc đề xuất thay đổi tên đề tài nghiên cứu chỉ được thực hiện chậm nhất 03 (ba) tháng sau thời gian bắt đầu thực hiện luận văn.

Điều 32. Hướng dẫn luận văn

1. Mỗi luận văn có một hoặc hai người hướng dẫn. Trường hợp có hai người hướng dẫn, trong quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn cần ghi rõ người hướng dẫn thứ nhất và người hướng dẫn thứ hai;

2. Người có chức danh giáo sư được hướng dẫn tối đa 7 học viên; người có học vị tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh phó giáo sư được hướng dẫn tối đa 5 học viên; người có học vị tiến sĩ từ 01 năm trở lên được hướng dẫn tối đa 3 học viên trong cùng thời gian, kể cả học viên của cơ sở đào tạo khác;

3. Người được phân công giảng dạy và hướng dẫn luận văn phải đảm bảo đầy đủ các yêu cầu được quy định tại Điều 43 của quy chế này.

Điều 33. Yêu cầu đối với luận văn thạc sĩ

1. Luận văn của chương trình theo định hướng nghiên cứu là một báo cáo khoa học, có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo; kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới... trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế;

2. Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

3. Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu

tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

4. Luận văn được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết, không tẩy xóa. Hình thức trình bày luận văn thạc sĩ thực hiện theo quy định của Nhà trường (theo mẫu).

5. Thực hiện luận văn tại phòng thí nghiệm hoặc thực địa.

a) Đối với các luận văn có nội dung nghiên cứu tại phòng thí nghiệm của các khoa (hoặc Trung tâm Thí nghiệm thực hành), học viên lên kế hoạch thực hiện, dự trù vật tư hóa chất, nhu cầu sử dụng trang thiết bị gửi phòng thí nghiệm để lập kế hoạch phục vụ. Nhà trường tạo điều kiện về cơ sở vật chất như thiết bị sẵn có, vật tư hóa chất cơ bản. Các loại vật tư hóa chất đặc biệt khác và thiết bị không có sẵn của trường thì học viên phải tự mua, tự thuê. Phòng thí nghiệm cung cấp danh mục hóa chất cơ bản có sẵn cho học viên biết trước khi tiến hành nghiên cứu;

b) Trường hợp học viên thực hiện luận văn tại các địa điểm thực địa (vườn sinh vật, môi trường thực tế...), học viên tự liên hệ với cơ sở thực tập để thực hiện luận văn.

Điều 34. Điều kiện bảo vệ luận văn:

1. Học viên hoàn thành chương trình đào tạo và tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Quy chế này, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);

2. Đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

3. Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn khoa học là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định hiện hành và cho phép bảo vệ;

4. Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

5. Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

6. Không tiến hành bảo vệ luận văn khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Học viên không đủ sức khỏe trong thời điểm bảo vệ;

b) Vắng mặt chủ tịch Hội đồng hoặc thư ký Hội đồng;

c) Vắng mặt phản biện có ý kiến không tán thành luận văn;

d) Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên.

7. Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận văn

Sau khi hoàn thành luận văn theo thời hạn quy định, học viên nộp hồ sơ đề nghị bảo vệ luận văn về Phòng QLKH&ĐTSDH, hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn xin bảo vệ luận văn (theo mẫu);
- b) Bản nhận xét của người hướng dẫn khoa học (theo mẫu);
- c) Lý lịch khoa học (theo mẫu);
- d) Bản thông tin luận văn (theo mẫu);
- e) Giấy xác nhận hoàn thành học phí của Phòng Kế hoạch Tài chính;
- f) Chứng chỉ ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra;
- g) 05 cuốn luận văn hoàn chỉnh (bìa thường).

8. Hội đồng họp để đánh giá luận văn trong thời hạn tối đa 60 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thành lập hội đồng.

9. Điểm chấm luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn tối đa 9 điểm và điểm thành tích nghiên cứu tối đa 1 điểm cho những luận văn mà học viên đã có bài báo khoa học liên quan công bố trên danh mục tạp chí khoa học chuyên ngành, tạp chí khoa học của các trường đại học hoặc đề tài ứng dụng đã được nơi ứng dụng đồng ý bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả nghiên cứu (không tính những công trình đã công bố trước thời điểm có quyết định giao đề tài). Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân. Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của hội đồng chấm từ 5,5 điểm trở lên.

10. Trong trường hợp luận văn không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn để bảo vệ lần thứ hai trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày bảo vệ luận văn lần thứ nhất; không tổ chức bảo vệ luận văn lần thứ ba. Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, thực hiện và bảo vệ luận văn lần thứ hai do học viên chi trả.

Điều 35. Đánh giá luận văn

1. Luận văn thạc sĩ được đánh giá công khai tại Hội đồng chấm luận văn. Hội đồng đánh giá luận văn do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập, trên cơ sở đề nghị của trưởng đơn vị chuyên môn và trưởng Phòng QLKH&ĐTSDH, trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc, tính từ ngày học viên nộp luận văn và đủ điều kiện bảo vệ.

2. Hội đồng đánh giá luận văn có 05 thành viên, gồm: Chủ tịch, thư ký, 02 phản biện và 01 ủy viên, trong đó có ít nhất 02 thành viên ở ngoài Trường. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ được đảm nhận một chức trách trong Hội đồng. Người hướng dẫn khoa học không là thành viên Hội đồng.

3. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng:

a) Các thành viên hội đồng là những người có học vị tiến sĩ từ 02 năm trở lên hoặc tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh phó giáo sư, giáo sư cùng ngành, chuyên ngành đào tạo với học viên, am hiểu lĩnh vực của đề tài luận văn;

b) Chủ tịch Hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của Hội đồng;

c) Người phản biện phải là người am hiểu đề tài luận văn. Người phản biện không được là đồng tác giả với người bảo vệ trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận văn;

d) Các thành viên hội đồng là người không có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với tác giả luận văn;

4. Các thành viên hội đồng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của các nhận xét, đánh giá của mình về luận văn.

Điều 36. Quy trình đánh giá luận văn

1. Chậm nhất 30 ngày trước khi bảo vệ luận văn, Bản thông tin luận văn sẽ được đăng công khai trên website của Trường. Cùng thời gian này, Phòng QLKH&ĐTSDH công bố danh sách học viên đủ điều kiện bảo vệ luận văn và thông báo lịch bảo vệ luận văn cho học viên được biết.

2. Phòng QLKH&ĐTSDH chuẩn bị hồ sơ làm việc của Hội đồng chấm luận văn, gửi thư mời đến các thành viên Hội đồng, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức bảo vệ luận văn.

3. Quy trình làm việc của Hội đồng chấm luận văn

a) Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, Chủ tịch và thư ký Hội đồng không được vắng mặt, một trong hai phản biện phải có mặt, phản biện vắng mặt phải gửi bản nhận xét đến Hội đồng trước khi Hội đồng tổ chức họp.

b) Trình tự làm việc của Hội đồng chấm luận văn

- Trưởng Phòng QLKH&ĐTSDH hoặc Trưởng khoa đào tạo đọc Quyết định thành lập Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ, giới thiệu đại biểu và mời Chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp;

- Chủ tịch Hội đồng công bố danh sách các thành viên Hội đồng và thông qua chương trình làm việc;

- Thư Ký Hội đồng đọc lý lịch khoa học của học viên và các điều kiện cần thiết để học viên được bảo vệ luận văn;

- Học viên trình bày nội dung luận văn trong thời gian không quá 20 phút;

- Hai phản biện đọc bản nhận xét luận văn;

- Các thành viên trong Hội đồng đặt câu hỏi cho học viên;

- Học viên trả lời các câu hỏi;

- Người hướng dẫn khoa học hoặc thư ký Hội đồng đọc bản nhận xét về quá trình thực hiện luận văn của học viên;

- Hội đồng họp kín, bầu Ban Kiểm phiếu, tiến hành bỏ phiếu kín, tiến hành kiểm phiếu;

- Chủ tịch Hội đồng thông qua biên bản làm việc của Hội đồng;

- Các đại biểu và học viên phát biểu ý kiến;

- Chủ tịch Hội đồng tuyên bố bế mạc.

4. Thư ký Hội đồng chuyển toàn bộ hồ sơ làm việc của Hội đồng cho Phòng QLKH&ĐTSDH ngay sau buổi làm việc.

Điều 37. Nộp luận văn hoàn chỉnh

1. Sau khi bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ, Phòng QLKH&ĐTSDH có nhiệm vụ gửi cho học viên (bản photo): Các bản nhận xét của phản biện và biên bản làm việc của Hội đồng chấm luận văn. Căn cứ vào nhận xét của phản biện, biên bản của Hội đồng, học viên tiếp tục hoàn thành luận văn với sự giúp đỡ của người hướng dẫn khoa học.

2. Luận văn hoàn chỉnh phải được đóng bìa cứng và tuân thủ đúng quy định hướng dẫn trình bày luận văn của Trường. Các bản nhận xét của phản biện và biên bản làm việc của Hội đồng chấm luận văn được đóng vào cuối luận văn và được liệt kê trong phần mục lục.

3. Trong vòng 20 ngày sau khi bảo vệ luận văn, học viên phải hoàn thành việc chỉnh sửa luận văn theo kết luận của Hội đồng. Học viên nộp 1 đĩa CD chứa 1 file word và 1 file pdf luận văn đã chỉnh sửa, tệp minh họa kèm theo (nếu có), 02 cuốn luận văn hoàn chỉnh đóng bìa cứng chữ nhũ về thư viện kèm theo bản xác nhận chỉnh sửa luận văn (theo mẫu). Sau đó, học viên mang giấy xác nhận đã nộp luận văn của thư viện đến nộp cho Phòng QLKH&ĐTSDH.

Điều 38. Thẩm định luận văn

1. Thành lập hội đồng thẩm định

Khi có đơn tố cáo đúng quy định của Luật Khiếu nại và Tố cáo, có căn cứ rõ ràng cho thấy luận văn không đảm bảo các yêu cầu theo quy định của luận văn được quy định tại Quy chế này hoặc khi thấy cần thiết, Hiệu trưởng thành lập hội đồng thẩm định luận văn. Số lượng, yêu cầu đối với thành viên hội đồng thẩm định luận văn theo đúng quy định về đánh giá luận văn thạc sĩ của Quy chế này; trong đó, nếu có thành viên thuộc Trường thì tối đa không quá hai người; tất cả các thành viên hội đồng thẩm định không được trùng với hội đồng đánh giá luận văn.

2. Thẩm định luận văn

a) Trước khi họp hội đồng thẩm định, các thành viên hội đồng có bản nhận xét về sự cần thiết của việc nghiên cứu đề tài luận văn, sự phù hợp với chuyên ngành; sự không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; đánh giá thành công và hạn chế của luận văn, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận văn thạc sĩ;

b) Việc thẩm định luận văn được thực hiện theo quy định về việc đánh giá luận văn thạc sĩ của Quy chế này;

c) Tác giả luận văn, người hướng dẫn, thành viên hội đồng đánh giá luận văn không tham dự phiên họp của hội đồng thẩm định nhưng được Trường thông báo và có thể gửi ý kiến, cung cấp tài liệu (nếu có) tới hội đồng thẩm định.

3. Xử lý kết quả thẩm định luận văn không đạt yêu cầu

Nếu hội đồng thẩm định kết luận luận văn không đạt yêu cầu thì Hiệu trưởng dừng việc cấp bằng hoặc thu hồi, hủy bỏ bằng thạc sĩ đã cấp (nếu có) do học viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp. Những trường hợp luận văn không đạt yêu cầu không vì lý do sao chép bất hợp pháp thì quyền và trách nhiệm của học viên giải quyết như sau:

a) Trường hợp chưa bảo vệ lại luận văn, đề tài vẫn cần thiết nghiên cứu thì học viên được chỉnh sửa, bổ sung và bảo vệ lại luận văn trước hội đồng thẩm định theo quy định về Đánh giá luận văn thạc sĩ của Quy chế này. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định của Quy chế này thì học viên được gia hạn tối đa không quá 3 tháng;

b) Trường hợp đã bảo vệ lại luận văn hoặc đề tài không cần thiết tiếp tục nghiên cứu, nếu học viên có nguyện vọng thì Phòng QLKH&ĐTSDH đề xuất Hiệu

trưởng ra quyết định giao đề tài mới. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định của Quy chế này thì học viên được thực hiện đề tài mới trong thời gian tối đa 6 tháng. Hiệu trưởng tổ chức đánh giá luận văn theo các quy định của Quy chế này;

c) Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

Điều 39. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Nghỉ học tạm thời

a) Học viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp: Được điều động vào lực lượng vũ trang hoặc làm nghĩa vụ quốc tế; bị ốm, bị tai nạn phải điều trị thời gian dài hoặc nghỉ thai sản theo quy định, có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền. Đối với các trường hợp khác, Hiệu trưởng chỉ giải quyết cho nghỉ học tạm thời đối với học viên đã học tối thiểu một học kỳ tại Trường, đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10 hoặc tương đương và không bị kỷ luật;

b) Thời gian nghỉ học tạm thời cho người được điều động vào lực lượng vũ trang, đi làm nghĩa vụ quốc tế là thời gian được ghi trong quyết định của cấp có thẩm quyền, không tính vào thời gian học theo quy định tại Điều 3 Quy chế này;

Thời gian nghỉ học tạm thời cho các trường hợp khác là thời gian cần thiết theo nhu cầu, nguyện vọng của học viên nhưng thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại Điều 3 Quy chế này;

c) Các trường hợp khác phải có đơn trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

2. Chuyển Trường

a) Trong thời gian học tập, học viên được phép chuyển Trường nếu chuyển vùng cư trú sang tỉnh khác, có giấy xác nhận của chính quyền địa phương hoặc học viên được tuyển dụng, điều động công tác đến tỉnh khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền, không thể tiếp tục học tập tại Trường, trừ trường hợp được quy định tại Điểm c, Khoản này;

b) Điều kiện được chuyển Trường: Trường chuyển đến đang đào tạo đúng ngành, chuyên ngành của học viên; nguyện vọng chuyển trường của học viên phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng nơi chuyển đi và nơi chuyển đến;

c) Học viên không được chuyển Trường khi đang học ở học kỳ cuối của khóa học hoặc đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;

d) Hiệu trưởng xem xét công nhận một phần hoặc toàn bộ các học phần mà học viên đã học, quyết định số học phần phải học bổ sung trên cơ sở so sánh chương trình của hai trường.

Điều 40. Tốt nghiệp, cấp bằng điểm, cấp bằng thạc sĩ, giấy chứng nhận

1. Điều kiện tốt nghiệp:

- a) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn theo quy định của Quy chế này;
- b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;
- c) Đã thực hiện việc nộp luận văn hoàn chỉnh theo quy định của Quy chế này;
- d) Đã hoàn thành nghĩa vụ đóng học phí và các quy định khác của Trường (nếu có).

2. Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Phòng QLKH&ĐTSĐH. Hội đồng do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được ủy quyền của Hiệu trưởng làm chủ tịch, Trưởng phòng QLKH&ĐTSĐH làm ủy viên thường trực, các ủy viên là trưởng đơn vị chuyên môn (chủ nhiệm ngành) có học viên tốt nghiệp, đại diện thanh tra đào tạo. Hội đồng căn cứ vào điều kiện tốt nghiệp để xét, lập danh sách những học viên đủ điều kiện, đề nghị Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp.

3. Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ và bằng điểm cho học viên theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp.

4. Bằng điểm cấp cho học viên phải ghi rõ: Ngành, chuyên ngành đào tạo, loại chương trình đào tạo, tên các học phần trong chương trình đào tạo, thời lượng của mỗi học phần, điểm học phần, điểm trung bình chung các học phần, tên đề tài luận văn, điểm luận văn và danh sách thành viên Hội đồng đánh giá luận văn.

5. Bằng tốt nghiệp phải tuân thủ quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Nếu học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp, không bị kỷ luật buộc thôi học, đã hết thời gian đào tạo theo quy định tại Điều 3 Quy chế này, có yêu cầu thì được Hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

Điều 41. Chế độ báo cáo, lưu trữ

1. Chế độ báo cáo

a) Tháng 12 hàng năm, Trưởng phòng QLKH&ĐTSĐH báo cáo Hiệu trưởng về công tác đào tạo trình độ thạc sĩ của năm đó, bao gồm: Số giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ của Trường và số liệu thực hiện kế hoạch tuyển sinh theo từng

ngành, chuyên ngành đào tạo; số học viên hiện có và số dự kiến tốt nghiệp năm sau; dự kiến số lần tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh cho năm sau;

b) Trưởng phòng QLKH&ĐTSDH chịu trách nhiệm về thời gian báo cáo, tính chính xác và chất lượng của báo cáo.

2. Lưu trữ

a) Tài liệu liên quan đến công tác tuyển sinh, đào tạo của Trường phải được bảo quản an toàn trong kho lưu trữ. Hiệu trưởng có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc bảo quản tài liệu lưu trữ theo quy định;

b) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại Trường;

c) Luận văn đã được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện được lưu trữ, bảo quản tối thiểu 30 năm, kể từ khi người học tốt nghiệp;

d) Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ thạc sĩ được lưu trữ, bảo quản tối thiểu 5 năm, kể từ khi người học tốt nghiệp;

đ) Việc tiêu hủy tài liệu hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương VI

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TRƯỜNG, GIẢNG VIÊN, HỌC VIÊN

Điều 42. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường

1. Ban hành quy định chi tiết các nội dung của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (bao gồm cả các quy định để đảm bảo chất lượng cao hơn so với quy định của Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo) trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng QLKH&ĐTSDH, sau khi được Hội đồng Khoa học - Đào tạo thông qua.

2. Xác định chỉ tiêu, xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển sinh hàng năm cho các ngành, chuyên ngành đã được giao nhiệm vụ đào tạo.

3. Xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy đối với các ngành, chuyên ngành đã tuyển sinh; căn cứ vào nhu cầu nguồn nhân lực, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia để lập hồ sơ đăng ký đào tạo ngành, chuyên ngành mới khi có đủ điều kiện.

4. Tổ chức và quản lý quy trình đào tạo theo quy định.

5. Quản lý việc học tập và nghiên cứu khoa học của học viên; thực hiện các chế độ khen thưởng, kỷ luật đối với học viên theo quy định.

6. Quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển, quyết định công nhận học viên, quyết định công nhận học viên tốt nghiệp, cấp bằng điểm; cấp bằng và quản lý việc cấp bằng thạc sĩ theo quy định hiện hành.

7. Quản lý kinh phí, khai thác, tạo nguồn bổ sung; đầu tư, sử dụng và quản lý các nguồn lực khác trong đào tạo trình độ thạc sĩ theo đúng quy định.

8. Tự đánh giá và công bố công khai kết quả tự đánh giá chất lượng đào tạo; đăng ký tham gia kiểm định chương trình đào tạo thạc sĩ với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

9. Công bố công khai trên website của Trường: Văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo, kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho các ngành, chuyên ngành đã được phép đào tạo; chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy; cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng (gồm đội ngũ giảng viên giảng dạy và hướng dẫn luận văn; cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành, chuyên ngành) và các thông tin khác theo quy định.

10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ

1. Giảng viên đào tạo (giảng dạy; hướng dẫn thực hành, thực tập, luận văn) trình độ thạc sĩ bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng, được phân công nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc hướng dẫn học viên thực hành, thực tập, thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ.

2. Giảng viên cơ hữu được quy định tại Điều lệ trường đại học.

3. Ngoài các tiêu chuẩn giảng viên đại học quy định tại Điều lệ trường đại học, giảng viên tham gia giảng dạy các học phần lý thuyết chương trình đào tạo thạc sĩ phải có học vị tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư; giảng viên giảng dạy học phần ngoại ngữ cho các chuyên ngành không chuyên ngôn ngữ nước ngoài hoặc người hướng dẫn thực hành, thực tập phải có học vị thạc sĩ trở lên. Đồng thời, giảng viên có học vị tiến sĩ tham gia giảng dạy hoặc hướng dẫn luận văn cần đảm bảo tốt nghiệp tiến sĩ tối thiểu 01 (một) năm và có ít nhất 03 (ba) công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có trong danh mục của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, và đã hoặc đang tham gia (chủ trì hoặc thành viên

ngiên cứu chủ chốt) các đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp Bộ hoặc tương đương trở lên ở ngành hoặc chuyên ngành tham gia đào tạo thạc sĩ.

4. Giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên (các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, nghệ nhân, nghệ sĩ... ở trong nước và nước ngoài) tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định này và các quy định hiện hành.

5. Đối với các giảng viên (cơ hữu, thỉnh giảng) có học vị tiến sĩ và lần đầu tham gia giảng dạy hoặc hướng dẫn luận văn tại Trường, Trưởng đơn vị chuyên môn (Chủ nhiệm ngành) chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với các tiêu chuẩn giảng viên đào tạo thạc sĩ của Quy chế này và chuyển kết quả kiểm tra, đối chiếu về Phòng QLKH&ĐTSDH trình Hiệu trưởng phê duyệt danh sách phân công giảng dạy hoặc mời giảng.

Điều 44. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ

1. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Trường và của Nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

3. Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Được hưởng các chính sách đối với giảng viên trong đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định của nhà nước và của Trường.

5. Không được tự tổ chức hoặc thực hiện việc phụ đạo, hướng dẫn ôn tập với mục đích để người học dự thi tuyển sinh vào đào tạo trình độ thạc sĩ.

6. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

7. Ngoài các nhiệm vụ và quyền trên, người hướng dẫn luận văn cho học viên có thêm nhiệm vụ và quyền sau:

a) Hướng dẫn học viên xây dựng và thực hiện kế hoạch nghiên cứu đề tài;

b) Theo dõi, kiểm tra và đôn đốc học viên nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập theo yêu cầu của đề tài;

c) Từ chối không hướng dẫn học viên và thông báo bằng văn bản cho Trường trong các trường hợp: đã hướng dẫn đủ số lượng tối đa theo quy định của Quy chế này; sau một tháng kể từ ngày nhận quyết định cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ hoặc học viên không tuân thủ sự hướng dẫn hoặc không hoàn thành kế hoạch nghiên cứu mà không có lý do chính đáng;

d) Xác nhận kết quả nghiên cứu và duyệt luận văn của học viên; đề nghị và chịu trách nhiệm về việc đề nghị Trường cho học viên bảo vệ luận văn nếu thấy đáp các ứng yêu cầu theo quy định về điều kiện bảo vệ luận văn của Quy chế này.

8. Giảng viên phải thực hiện đúng tiến độ đào tạo theo kế hoạch đào tạo đã được Hiệu trưởng phê duyệt. Các trường hợp giảng viên muốn nghỉ buổi giảng vì lý do cá nhân phải báo cho phòng QLKH&ĐTSDH biết trước ít nhất 02 ngày để cử giảng viên dạy thay, trừ trường hợp đột xuất bất khả kháng, hạn chế đến mức thấp nhất dạy đôn, dạy bù.

9. Giảng viên thực hiện lịch giảng dạy theo thời khóa biểu được bố trí. Trường hợp giảng viên cần đổi giờ, tiết bắt đầu của môn học của tuần phải được sự thỏa thuận của tất cả học viên và phải báo cho Phòng QLKH&ĐTSDH biết. Việc đổi giờ, tiết bắt đầu của một buổi giảng dạy trong tuần chỉ được đổi vào thời gian trong tuần đó để không làm thay đổi tiến độ của học phần.

10. Bắt đầu môn học, giảng viên phải công bố cho học viên biết nội dung học, hình thức đánh giá, tài liệu, sách tham khảo cần thiết và các quy định khác của học phần đã có trong đề cương.

Điều 45. Nhiệm vụ và quyền của học viên

1. Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà nước và của Trường.

2. Đóng học phí đầy đủ, bao gồm cả phần học phí tăng thêm do phải học bổ sung, học lại, bảo vệ luận văn lần hai hoặc thực hiện đề tài luận văn mới theo quy định hợp pháp của Trường.

3. Tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của Trường.

4. Được tôn trọng, đối xử bình đẳng và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến quá trình học tập của mình.

5. Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của Trường cho việc học tập, nghiên cứu.

6. Được đề nghị Trường thay người hướng dẫn luận văn nếu sau một tháng, kể từ khi nhận được quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ được với người hướng dẫn hoặc không được hướng dẫn thực hiện đề tài luận văn.

7. Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Trường về chương trình đào tạo, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động liên quan đến quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo thạc sĩ.

8. Được tham gia hoạt động đoàn thể, tổ chức xã hội trong Trường.
9. Được bồi hoàn học phí nếu học viên không có lỗi, do vi phạm của Trường dẫn đến việc không được cấp bằng thạc sĩ.
10. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TÀI CHÍNH, HIỆU LỰC VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Công tác tài chính

Thực hiện theo Quy chế Chi tiêu nội bộ hiện hành của Trường.

Điều 47. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 48. Điều khoản thi hành

1. Hiệu trưởng, Trưởng phòng chức năng có liên quan, Trưởng các đơn vị trực thuộc được phép đào tạo thạc sĩ, Chủ nhiệm ngành và học viên cao học phải thực hiện đầy đủ các quy định của Quy chế này và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, Trưởng các đơn vị liên quan báo cáo Hiệu trưởng xem xét, giải quyết.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Hoàn